

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAH'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2022

“V/v: Kiện ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Cường

Các hội thẩm nhân dân gồm có: Ông Vũ Xuân Thụ và ông Ksor AfLai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện E.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện E: Ông Hồ Quang Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện E, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2022/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 5 năm 2022 về việc “Kiện ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 8 năm 2022, và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1987. Trú tại: Thôn 6B, xã Ea W, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Bị đơn: Ông Trương Văn T, sinh năm 1987. Trú tại: Thôn 6B, xã Ea W, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/4/2022 và trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Tôi và ông T chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ea W, trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc. Chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tôi ông T bất đồng về quan điểm sống, thương xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn giữa tôi và ông T không hàn gắn được, đã sống ly thân một thời gian. Hiện tôi không còn tình cảm với ông T nữa, mong muốn ổn định cuộc sống, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T.

Về con chung: Chúng tôi có 01 người con chung là: Dương Trọng T - sinh ngày 29/3/2012, nếu ly hôn tôi yêu cầu được nuôi các con chung, không yêu cấp dưỡng. Hiện tôi là giáo viên dạy cấp 2, nên có đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi nộp đơn tôi có yêu cầu Tòa án phân chia về tài sản, nhưng hiện nay tôi xin rút yêu cầu về chia tài sản chung.

Tại biên bản tự khai ngày 18/7/2022 ông Dương Văn T trình bày:

Tôi và bà N chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ea W. Trong cuộc sống thỉnh thoảng có cãi nhau, nên bà N yêu cầu ly hôn với tôi thì tôi không đồng ý vì tôi còn tình cảm với bà N.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà N và ông T đã có 01 người con chung là: Dương Trọng T - sinh ngày 29/3/2012. Nếu ly hôn ông T có yêu cầu được nuôi con chung. Về cấp dưỡng tự thỏa thuận, không yêu cầu.

Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu giải quyết.

Tòa án công khai bản tự khai của con chung là cháu Dương Trọng Toàn:

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của HĐXX, Thư ký và nguyên đơn, đều tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án;

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Điều Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim N. Bà Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với ông Dương Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kim N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện E theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà N và ông T chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ea W, huyện E, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện. Do vậy, là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi kết hôn về sống chung với nhau bà N và ông T sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không có tiếng nói chung, bất đồng về quan điểm sống, hay cãi nhau, hiện bà N và ông T đang sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông T thừa nhận là hiện giữa anh và bà N đang có mâu thuẫn vợ chồng nhưng ông T vẫn mong đoàn tụ. Tuy nhiên cho đến nay mâu thuẫn giữa hai người vẫn không được cải thiện, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Nhận thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông T đã trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, không còn yêu thương, quý trọng nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà N là có căn cứ, phù hợp với Điều 51 Luật hôn nhân gia đình, nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà N và ông T đã có 01 người con chung là cháu Dương Trọng T, sinh ngày 29/3/2012. Nếu ly hôn bà N và ông T đều có nguyện vọng được nuôi con.

Xét điều kiện thức tể cũng như thuận lợi cho cháu T được nuôi dưỡng, chăm sóc, học tập để cháu có đủ điều kiện phát triển bình thường thì bà N có điều kiện tốt hơn ông T. Vì hiện cháu T đang con nhỏ, hiện bà N là giáo viên dạy cấp 2, đang ở tại ký túc của trường nên cháu Toàn sống cùng bà N, dưới sự chăm sóc của người mẹ sẽ có nhiều điều kiện thuận lợi hơn. Quá trình giải quyết vụ án thì cháu T cũng có nguyện vọng được sống cùng với bà N. Nên cần giao cháu Toàn cho bà N nuôi dưỡng là hợp lý.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện tại bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét

[5] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án bà N có yêu cầu chia tài sản chung là 01 thửa đất số 343, tờ bản đồ số 3, tại thôn 8a, xã Ea W, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình giải quyết vụ án bà N có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung. Nhận thấy việc rút đơn trên là tự nguyện, nên cần chấp nhận.

Bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nên không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Điều Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim N.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim N được ly hôn ông Dương Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Trọng T, sinh ngày 29/3/2012 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập xem xét.

Ông Dương Văn T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và yêu cầu trợ cấp phí tổn nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập, xem xét.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí HNGĐ-ST, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện E theo Biên lai số 60AA/2021/0000876 ngày 13/5/2022.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện E;
- Chi cục THADS huyện E;
- UBND xã Ea W; (số 141/2011);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Xuân Cường